

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HC-PT

Ngày 19 tháng 01 năm 2024

V/v “*Khiếu kiện Quyết định xử phạt
vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng
sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Bà Lê Thuý cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Danh Quốc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 738/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 10 năm 2023 “*Khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2023/HC-ST ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6256/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Tạ Hồng N, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khóm B, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Tạ Hồng N:

1. Ông Tạ Thành N1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số C, Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

2. Ông Phan Hoàng B, sinh năm 1959. Địa chỉ: đường H, Khóm F, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Địa chỉ: Số E, đường N, Phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (Có đơn xin vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Tạ Thành N1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số C, Khóm B, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (Vắng mặt).

Người kháng cáo: Người đại diện theo uỷ quyền của ông Tạ Hồng N và Người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/6/2022, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, người khởi kiện ông Tạ Hồng N và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Tạ Thành N1 trình bày nội dung sau:

Ông N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1100/QĐ-XPVPHC ngày 19/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Theo ông N trình bày, giữa ông N và ông Lý T có thỏa thuận miệng về việc ông T thuê ông Năng cải tạo ruộng và đắp nền nhà, đất còn dư ông T cho ông N. Do đó, ông N khai thác đất ruộng nhà của ông Lý T ngụ tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, ông N khẳng định đất khai thác không phải là đất khoáng sản. Ông N thừa nhận có đem phần đất khai thác tại ruộng nhà ông Lý T đi bán cho bà Đinh Thanh T1 để đắp nền nhà tại Khóm D, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, việc mua bán đất giữa bà T1 và ông N chỉ thỏa thuận miệng về việc ông Năng làm nền nhà cho bà T1 với giá 20.000.000đ, chờ được 56,8m³ lấp nền nhà cho bà T1 thì bị bắt quả tang.

Ông N sử dụng các phương tiện dùng để khai thác và vận chuyển gồm:

+ 01 xe cuốc (đã qua sử dụng) nhãn hiệu KOBENKO SK4, màu vàng, số khung LW-8278, số máy 1087;

+ 01 xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00043, số máy 0Q200341159D, biển kiểm soát 94C – 056.39;

+ 01 xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00062, số máy 0Q200341176D, biển kiểm soát 94C – 056.74;

+ 01 xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00036, số máy 0Q200341152D, biển kiểm soát 94C – 056.88;

Vào ngày 12/5/2021, ông N bị lập biên bản vi phạm hành chính. Đến ngày 09/7/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông N.

Khi lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông N thì có thu giữ các phương tiện gồm:

+ 01 xe cuốc (đã qua sử dụng) nhãn hiệu KOBENKO SK4, màu vàng, số khung LW-8278, số máy 1087;

+ 01 xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00043, số máy 0Q200341159D, biển kiểm soát 94C – 056.39;

+ 01 xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00062, số máy 0Q200341176D, biển kiểm soát 94C – 056.74;

+ 01 xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00036, số máy 0Q200341152D, biển kiểm soát 94C – 056.88;

+ 01 xe cuốc nhãn hiệu HITACHI 03, màu cam, không có số khung, số máy 5-107-0;

+ 01 xe ủi nhãn hiệu KOMATSU – D20P, không có số khung, số máy 1SH271267;

+ 01 xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT, màu xanh, số khung 040DL1A00034, số máy 0Q200341150D, biển kiểm soát 94C – 056.28.

Đối với xe cuốc nhãn hiệu HITACHI 03, màu cam, không có số khung, số máy 5-107-0; xe ủi nhãn hiệu KOMATSU – D20P, không có số khung, số máy 1SH271267; xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT, màu xanh, số khung 040DL1A00034, số máy 0Q200341150D, biển kiểm soát 94C – 056.28 do không có khai thác và vận chuyển đất nên đã được trả lại cho chủ sở hữu là ông Dương Vũ P. Đã bị tịch thu xe cuốc (đã qua sử dụng) nhãn hiệu KOBENKO SK4, màu vàng, số khung LW-8278, số máy 1087; xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00043, số máy 0Q200341159D, biển kiểm soát 94C – 056.39; xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00062, số máy 0Q200341176D, biển kiểm soát 94C – 056.74; xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00036, số máy 0Q200341152D, biển kiểm soát 94C – 056.88.

Đối với xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00043, số máy 0Q200341159D, biển kiểm soát 94C – 056.39 là tài sản của ông N. Còn xe cuốc (đã qua sử dụng) nhãn hiệu KOBENKO SK4, màu vàng, số khung LW-8278, số máy 1087; xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00062, số máy 0Q200341176D, biển kiểm soát 94C – 056.74; xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00036, số máy 0Q200341152D, biển kiểm soát 94C – 056.88 là tài sản của ông Tạ Thành N1.

Giữa ông N và ông N1 có thỏa thuận về việc ông N thuê xe của ông N1 với giá là 15.000.000đ/tháng đối với ô tô tải, còn đối với xe cuốc là 35.000.000đ/tháng. Việc thuê xe giữa ông N và ông N1 có lập giấy tay và đã nộp cho Công an huyện Đ.

Sau khi được triển khai quyết định xử phạt vi phạm hành chính, ông N có khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh B và được Chủ tịch UBND tỉnh B giải quyết và trả lời bằng Quyết định giải quyết khiếu nại số 203/QĐ-UBND ngày 07/02/2022, không được chấp nhận khiếu nại của ông N, sau đó ông N đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án.

Nay, ông N yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1100/QĐ-XPVPHC ngày 09/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B. Ngoài ra, ông N không yêu cầu gì khác.

- Theo văn bản trình bày ý kiến (Công văn số 4195/UBND-NC ngày 14/11/2022) đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Hồng N, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B trình bày nội dung sau:

Ngày 12/5/2021, ông Tạ Hồng N đã thực hiện hành vi vi phạm: “Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ (cụ thể là đất mặt) mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có

thâm quyền với tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác được là 56,8 m³”, vi phạm điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản, có khung mức phạt từ 40.000.000đ đến 50.000.000đ.

Do tổng giá trị của các phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu là 858.000.000đ nên căn cứ điểm b khoản 4 Điều 52, khoản 3 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Khoản 3 Điều 64 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ nên thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch UBND tỉnh B.

Đối với phương tiện vi phạm: Quá trình phát hiện và lập biên bản vi phạm hành chính, Công an huyện Đ đã tạm giữ 07 phương tiện, đã tịch thu 04 phương tiện và giao trả 03 phương tiện cho chủ sở hữu các phương tiện không thực hiện hành vi vi phạm hành chính. Các phương tiện bị tịch thu bao gồm: 01 xe cuốn nhãn hiệu KOBENKO SK4, màu vàng, số khung LW-8278, số máy 1087 (đã qua sử dụng); 01 xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT, màu xanh, tải trọng hàng hóa 3.900kg, số khung 040DL1A00043, số máy 0Q200341159D, biển kiểm soát 94C – 056.39 (đã qua sử dụng); 01 xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT, màu xanh, tải trọng hàng hóa 3.900kg, số khung 040DL1A00062, số máy 0Q200341176D, biển kiểm soát 94C – 056.74 (đã qua sử dụng); 01 xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00036, số máy 0Q200341152D, biển kiểm soát 94C – 056.88 (đã qua sử dụng).

Hình thức xử phạt chính: Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ và áp dụng khoản 2 Điều 9 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012, tình tiết giảm nhẹ người vi phạm đã tự nguyện khai báo, thành khẩn hối lỗi, không áp dụng tình tiết tăng nặng, xử phạt ông N số tiền phạt là 40.000.000đ.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ, tịch thu toàn bộ khoáng sản của ông N đã khai thác được quy đổi bằng tiền là 1.079.200đ. Tịch thu phương tiện vi phạm hành chính 01 xe cuốn nhãn hiệu KOBENKO SK4,; 01 xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT, biển kiểm soát 94C – 056.39; 01 xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT, biển kiểm soát 94C – 056.74; 01 xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT, biển kiểm soát 94C – 056.88.

Biện pháp khắc phục hậu quả: Áp dụng khoản 5 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ, buộc thực hiện các giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường khu vực đã khai thác, đưa khu vực khai thác về trạng thái an toàn trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Quyết định xử phạt có hiệu lực pháp luật.

Trình tự thủ tục ban hành quyết định xử phạt, triển khai thi hành và giải quyết khiếu nại đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Người bị kiện trình bày tất cả các vấn đề nêu trên để khẳng định việc xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm của ông Tạ Hồng N và giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh B đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Theo ông Tạ Thành N1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông N1 và ông Tạ Hồng N có thỏa thuận về việc ông N thuê chiếc xe cuốc (đã qua sử dụng) nhãn hiệu KOBENKO SK4, màu vàng, số khung LW-8278, số máy 1087; xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00062, số máy 0Q200341176D, biển kiểm soát 94C – 056.74; xe ô tô tải (tự đổ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00036, số máy 0Q200341152D, biển kiểm soát 94C – 056.88. Việc ông N1 cho ông N thuê xe có lập giấy thỏa thuận bằng tay với giá 15.000.000đ/tháng đối với ô tô tải và 35.000.000đ/tháng đối với xe cuốc, cho ông N thuê trước ngày bị bắt quả tang về việc khai thác khoáng sản khoáng 05 tháng. Ông N thuê xe với mục đích xe ô tô tải chạy chở vật liệu, còn xe cuốc dùng cải tạo ruộng thuê cho người khác. Nay ông yêu cầu trả lại những chiếc xe của ông đang bị tịch thu vì ông không có liên quan gì đến hành vi ông N bị xử lý.

Tại Bản án số 10/2023/HC-ST ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

- Áp dụng khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 6, Điều 26, khoản 3 Điều 38, Điều 57, Điều 58, Điều 59, khoản 1 Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính;

- Căn cứ Điều 2 Luật Khoáng sản năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2018;

- Căn cứ Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

- Căn cứ Công văn số 114/ĐCKS-KSMB ngày 14/01/2021 của T5 hướng dẫn xác định và xử lý vi phạm đối với việc khai thác đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản và khai thác đất trong phạm vi công trình dự án;

- Căn cứ Công văn số 2340/ĐCKS-KSMB ngày 23/8/2021 của T5 hướng dẫn xác định và xử lý vi phạm đối với việc khai thác đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản ngoài phạm vi quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân và tận thu sản phẩm đất sau nạo vét, khơi thông luồng lạch;

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Hồng N về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1100/QĐ-XPVPHC ngày 09/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

2. Hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1100/QĐ-XPVPHC ngày 09/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 203/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với phần hình phạt bổ sung liên quan đến việc tịch thu xe ô tô tải (tự đồ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00062, số máy 0Q200341176D, biển kiểm soát 94C – 056.74; xe ô tô tải (tự đồ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00036, số máy 0Q200341152D, biển kiểm soát 94C – 056.88.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 07/6/2023, người đại diện theo ủy quyền của ông Tạ Hồng N có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa án sơ thẩm theo hướng hủy toàn bộ quyết định số 1100/QĐXPVPHC ngày 09/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Ngày 26/6/2023, ông Phạm Văn T2, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B có đơn kháng cáo, phần căn cứ kháng cáo có trình bày yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Tạ Hồng N nhưng phần cuối đơn yêu cầu hủy án sơ thẩm số 10/2023/HC-ST ngày 25/5/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Tạ Hồng N.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, nội dung kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 241 Bộ luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của người bị kiện và người khởi kiện, giữ y bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện và người bị kiện được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật. Về việc xét xử vắng mặt đối với người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện hợp pháp của người bị kiện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt đối với người bị kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của ông Tạ Hồng N yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1100/QĐ-XPVPHC ngày

09/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khai thác khoáng sản. Ông Tạ Hồng N thừa nhận ông có khai thác đất vuông nhà của ông Lý T ngụ tại ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, đi bán cho bà Đinh Thanh T1 để đắp nền nhà tại Khóm D, Phường A, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Việc mua bán đất giữa bà T1 và ông N chỉ thỏa thuận miệng. Về việc ông Năng l nền nhà cho bà T1 với giá 20.000.000đ, chờ được 56,8m³ lấp nền nhà cho bà T1 thì bị bắt quả tang là có diễn ra trên thực tế, ông N cho rằng đất khai thác không phải là đất khoáng sản, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Điều 2 Luật Khoáng sản năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định “Khoáng sản là khoáng vật, khoáng chất có ích được tích tụ tự nhiên ở thể rắn, thể lỏng, thể khí tồn tại trong lòng đất, trên mặt đất, bao gồm cả khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ” và tại khoản 1 Điều 64 vật liệu xây dựng thông thường gồm: “Đất sét làm gạch, ngói theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam, các loại sét (trừ sét bentonit, sét kaolin) không đủ tiêu chuẩn sản xuất gốm xây dựng, vật liệu chịu lửa samot, xi măng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam”. Đồng thời, tại Công văn số 114/ĐCKS-KSMB ngày 14/01/2021 của T5 hướng dẫn xác định và xử lý vi phạm đối với việc khai thác đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản và khai thác đất trong phạm vi công trình dự án và Công văn số 2340/ĐCKS-KSMB ngày 23/8/2021 của T5 hướng dẫn xác định và xử lý vi phạm đối với việc khai thác đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản ngoài phạm vi quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân và tận thu sản phẩm đất sau nạo vét, khơi thông luồng lạch dùng san lấp cũng xác định “đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (dùng cho mục đích san lấp)”. Do đó, có đủ căn cứ xác định đất là khoáng sản. Do hành vi của ông N đã vi phạm quy định tại điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định 1100/QĐ-XPVPHC ngày 21/12/2021 xử phạt ông hình phạt chính số tiền 40.000.000đ là có căn cứ, đúng quy định tại điểm b khoản 3 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính, điểm e khoản 1 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ. Theo khoản 4 Điều 47 Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản quy định: “Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu toàn bộ khoáng sản được quy đổi bằng tiền tương đương 1.079.200đ và tịch thu phương tiện của ông N gồm: 01 xe cuốn nhãn hiệu KOBENKO SK4, màu vàng, số khung LW-8278, số máy 1087 (đã qua sử dụng); 01 xe ô tô tải (tự đồ) nhãn hiệu TMT, màu xanh, tải trọng hàng hóa 3.900kg, số khung 040DL1A00043, số máy 0Q200341159D, biển kiểm soát 94C – 056.39 (đã qua sử dụng), là đúng quy định của pháp luật nên không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Ông Phan Hoàng B còn trình bày về việc: Khi lập biên bản vi phạm, trên xe không có đất, việc trích xuất hình ảnh không đúng quy định, Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua biên bản làm việc với ông N cũng như các lời khai của ông Lý T, bà Đinh Thanh T1 và các lái xe cho ông N như ông Trần Trọng T3, ông Nguyễn

Việt T4, ông Bùi Văn L, ông Danh Hoàng H, ông Tạ Vũ P1 đều thừa nhận ngày 12/5/2021 có khai thác và vận chuyển được 16 xe đất, mỗi xe 03m³ nên việc lập biên bản vi phạm hành chính và xử phạt như trên là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh B đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, cần tịch thu phương tiện vi phạm tịch thu xe ô tô tải (tự đồ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00062, số máy 0Q200341176D, biển kiểm soát 94C – 056.74; xe ô tô tải (tự đồ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00036, số máy 0Q200341152D, biển kiểm soát 94C – 056.88, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hai phương tiện nêu trên do ông Tạ Thành N1 là anh trai ông N đứng tên chủ sở hữu, ông N thuê xe với mục đích xe ô tô tải chạy chở vật liệu, còn xe cuộc dùng cải tạo vuông thuê cho người khác. Việc ông N đã thuê các phương tiện trên để thực hiện việc khai thác khoáng sản (đất) nhưng chủ sở hữu của các phương tiện nêu trên không biết và cũng không có lỗi trong việc để người vi phạm là ông N sử dụng các phương tiện nêu trên vi phạm hành chính nên Bản án sơ thẩm nhận định: *Theo khoản 1 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: “Đối với tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ do bị chiếm đoạt, sử dụng trái phép để vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị tịch thu thì trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp; cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp một khoản tiền tương đương trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính vào ngân sách nhà nước”.* Căn cứ vào biên bản định giá tài sản và bảng kê chi tiết giá trị tài sản (Bút lục 151), 02 chiếc xe nêu trên có tổng giá trị là 208.000.000 đồng + 208.000.000 đồng = 416.000.000. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B cần quyết định trả lại 02 chiếc xe nêu trên cho chủ sở hữu là ông Tạ Thành N1 và buộc ông Tạ Hồng N nộp vào ngân sách nhà nước số tiền tương đương với giá trị các phương tiện vi phạm là 416.000.000đ mới đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính nên Bản án quyết định huỷ một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1100/QĐ-XPVPHC ngày 09/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và huỷ một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 203/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với phần hình phạt bổ sung liên quan đến việc tịch thu xe ô tô tải (tự đồ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00062, số máy 0Q200341176D, biển kiểm soát 94C – 056.74; xe ô tô tải (tự đồ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00036, số máy 0Q200341152D, biển kiểm soát 94C – 056.88 là phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Người khởi kiện và người bị kiện kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của ông Tạ Hồng N và của Chủ tịch UBND tỉnh B, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 10/2023/HC-ST ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu về khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản, cụ thể như sau:

- Áp dụng khoản 1, 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; khoản 1 Điều 157; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 6, Điều 26, khoản 3 Điều 38, Điều 57, Điều 58, Điều 59, khoản 1 Điều 66, Điều 67, Điều 68, Điều 126 Luật xử lý vi phạm hành chính;

- Căn cứ Điều 2 Luật Khoáng sản năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2018;

- Căn cứ Nghị định 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

- Căn cứ Công văn số 114/ĐCKS-KSMB ngày 14/01/2021 của T5 hướng dẫn xác định và xử lý vi phạm đối với việc khai thác đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản và khai thác đất trong phạm vi công trình dự án;

- Căn cứ Công văn số 2340/ĐCKS-KSMB ngày 23/8/2021 của T5 hướng dẫn xác định và xử lý vi phạm đối với việc khai thác đất mặt trên ruộng lúa, ao nuôi trồng thủy sản ngoài phạm vi quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân và tận thu sản phẩm đất sau nạo vét, khơi thông luồng lạch;

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Hồng N về việc yêu cầu hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1100/QĐ-XPVPHC ngày 09/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản.

2. Hủy một phần Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1100/QĐ-XPVPHC ngày 09/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B và hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 203/QĐ-UBND ngày 07/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B đối với phần hình phạt bổ sung liên quan đến việc tịch thu xe ô tô tải (tự đồ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00062, số máy 0Q200341176D, biển kiểm soát 94C – 056.74; xe ô tô tải (tự đồ) nhãn hiệu TMT (đã qua sử dụng), màu xanh, số khung 040DL1A00036, số máy 0Q200341152D, biển kiểm soát 94C – 056.88.

3. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Tạ Hồng N không phải nộp 300.000đ, ông Tạ Hồng N đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000267 ngày 26 tháng 10 năm 2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Tạ Hồng N và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B mỗi bên phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000450 ngày 26/6/2023 và biên lai thu số 0000454 ngày 03/7/2023 của Cục Thi hành án tỉnh Bạc Liêu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP,17bBDQK

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Tám